

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĂN HÁN

Số: 838/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Văn Hán, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách
xã Văn Hán Quý III năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĂN HÁN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 15/8/2025 của HĐND xã Văn Hán về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Văn Hán;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 95/TTr – KT ngày 05/10/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quys III năm 2025 của xã Văn Hán theo Phụ lục thuyết minh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 và các biểu 113, 114, 115 kèm theo Quyết định này

Điều 2. Hình thức công khai: Hình thức công khai trên cổng thông tin điện tử của xã, niêm yết tại trụ sở UBND xã, trên hệ thống loa truyền thanh của xã, tại các nhà văn hóa xóm.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Kinh tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Trưởng xóm (27 xóm);
- Lưu: VT, KT.



Trần Thị Anh Hoa



THUYẾT MINH

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Văn Hán quý 3 năm 2025
(kèm theo Quyết định số 838/QĐ - UBND ngày 24/10/2025)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 15/8/2025 của HĐND xã Văn Hán về việc phân bổ dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025 xã Văn Hán.

UBND xã thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2025 như sau:

1. Thu ngân sách quý 3 năm 2025:

- Các khoản thu hưởng điều tiết đạt 1.939,3 triệu đồng/5.186 triệu đồng = 37,39% dự toán. Trong đó, một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như thu khác đạt 38,6%, Thu phí lệ phí đạt 12,2%, thuế GTGT đạt 13,19% dự toán...

2. Chi ngân sách quý 3 năm 2025:

Tổng chi thường xuyên ngân sách đạt 60.241,8 triệu đồng/73.269 triệu đồng = 82,22% dự toán.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 785,2 triệu đồng

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân quý 3 năm 2025:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2025 UBND xã đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2025 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng, hàng quý họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm.

Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quý 3 năm 2025 công tác tài chính - ngân sách của xã Văn Hán gặp phải một số khó khăn như: Nhận thức của người dân về việc tự kê khai và kê khai nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao như thuế vận tải, thuế xây dựng ...

Trong quý 3 năm 2025, UBND xã thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung, trong quý 3 năm 2025 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	81.305.000.000	101.045.537.190	124,28
1	Các khoản thu xã hưởng 100%		162.363.545	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	5.186.000.000	148.785.149	
3	Thu bổ sung	76.119.000.000	100.080.944.211	131,48
	- Thu bổ sung cân đối	18.393.000.000	18.439.750.000	100,25
	- Thu bổ sung có mục tiêu	57.726.000.000	81.641.194.211	141,43
4	Thu kết dư		361.268.745	
5	Thu chuyển nguồn		292.175.540	
II	TỔNG SỐ CHI	76.119.000.000	61.027.046.444	80,17
1	Chi đầu tư phát triển	2.850.000.000	785.223.000	27,55
2	Chi thường xuyên	72.908.000.000	60.241.823.444	82,63
3	Dự phòng	361.000.000		0,00
4	Chi các chương trình mục tiêu			
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
6	Chi kết dư ngân sách			
7	Chi nộp trả cấp trên			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025



Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
		81.305.000.000	81.305.000.000	102.673.688.914	101.045.537.191	126,28%	124,28%
A	TỔNG THU CÁN ĐỐI NSNN (A+B+C+D)	81.305.000.000	81.305.000.000	102.020.244.629	100.392.092.906	125,48%	123,48%
I	Thu nội địa	5.186.000.000	5.186.000.000	1.939.300.418	311.148.695	37,39%	6,00%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0		
-	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0		
-	Thuế tài nguyên	0	0	0	0		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	0	0	0	0		
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0		
-	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0		
-	Thuế tài nguyên	0	0	0	0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0		
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0		
-	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0		
-	Thu từ khi thiên nhiên	0	0	0	0		
-	Thuế tài nguyên	0	0	0	0		
-	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	0	0	0	0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.128.000.000	1.128.000.000	166.584.213	148.785.149	14,77%	13,19%
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	1.128.000.000	1.128.000.000	148.785.149	148.785.149	13,19%	13,19%
-	Thuế tiêu thu đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0		
-	Thuế tài nguyên	0	0	17.799.064	0		
5	Thuế thu nhập cá nhân	790.000.000	790.000.000	457.837.036	0	57,95%	0,00%
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0	0		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	0	0	0	0		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
7	Lệ phí trước bạ	1.967.000.000	1.967.000.000	677.038.432	25.704.522	34,42%	1,31%
8	Thu phí, lệ phí	307.000.000	307.000.000	37.466.952	37.466.952	12,20%	12,20%
-	Phí và lệ phí trung ương	0	0	0	0		
-	Phí và lệ phí tỉnh	0	0	0	0		
-	Phí và lệ phí huyện	0	0	0	0		

-	Phí và lệ phí xã, phường		0	0					
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0	0	0				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		53 000 000	53 000 000					0,00%
11	Tiền cho thuê đất, thuế mặt nước		35 000 000	35 000 000	405 545 499	8 471 272		1 158,70%	24,20%
12	Thu tiền sử dụng đất		650 000 000	650 000 000				0,00%	0,00%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		0	0	0	0	0		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		0	0	0	0	0		
-	Thuế giá trị gia tăng		0	0	0	0	0		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		0	0	0	0	0		
-	Thu từ thu nhập sau thuế		0	0	0	0	0		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt		0	0	0	0	0		
-	Thuế môn bài		0	0	0	0	0		
-	Thu từ các quỹ của doanh nghiệp xổ số kiến thiết theo quy định		21 000 000	21 000 000				0,00%	0,00%
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		235 000 000	235 000 000	194 828 286	90 720 800		82,91%	38,60%
16	Thu khác ngân sách		0	0	0	0	0		
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		0	0	0	0	0		
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức		0	0	0	0	0		
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước		0	0	0	0	0		
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước		0	0	0	0	0		
II	Thu từ dầu thô		0	0	0	0	0		
III	Thu từ ngân sách cấp trên		76.119.000.000	76.119.000.000	100.080.944.211	100.080.944.211			
I	Bổ sung cân đối		18.393.000.000	18.393.000.000	18.439.750.000	18.439.750.000			
2	Bổ sung có mục tiêu		57.726.000.000	57.726.000.000	81.641.194.211	81.641.194.211			
IV	Thu viện trợ		0	0	0	0	0		
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH		0	0	0	0	0		
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC		0	0	361.268.745	361.268.745			
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG		0	0	292.175.540	292.175.540			



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	76.119.000.000	2.850.000.000	73.269.000.000	61.027.046.444	785.223.000	60.241.823.444	80,17	27,55	82,22
	Trong đó:				-					
1	Chi giáo dục	53.727.200.000	1.900.000.000	51.827.200.000	37.359.475.835		37.359.475.835	69,54	0,00	72,08
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	195.000.000		195.000.000	-			0,00		0,00
3	Chi y tế	227.800.000		227.800.000	69.498.000		69.498.000	30,51		30,51
4	Chi văn hoá, thông tin	233.300.000		233.300.000	-		-	0,00		0,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-			#DIV/0!		#DIV/0!
6	Chi thể dục thể thao	-			-					
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.044.200.000	620.000.000	424.200.000	923.045.256	785.223.000	137.822.256	88,40	126,65	32,49
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	15.428.500.000	330.000.000	15.098.500.000	19.244.287.638		19.244.287.638	124,73	0,00	127,46
10	Chi cho công tác xã hội	2.343.000.000		2.343.000.000	3.014.700.000		3.014.700.000	128,67		128,67
11	Chi khác + Tiết kiệm	445.700.000		445.700.000	-			0,00		0,00
12	Chi quốc phòng	1.179.500.000		1.179.500.000	143.855.712		143.855.712	12,20		12,20
13	Chi an ninh	933.800.000		933.800.000	272.184.003		272.184.003	29,15		29,15
14	Dự phòng ngân sách	361.000.000		361.000.000	-			0,00		0,00